

Bản án số: 38/2025/DS-ST
Ngày: 17/6/2025
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua
2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Bà Trần Thúy Liễu, kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 54/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước H (T), sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp An Thạnh B, xã Bình Ninh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn:

2.1. Anh Đinh Hữu P, sinh năm 1981 (vắng mặt)

2.2. Chị Dương Thị P1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Phước H trình bày:

Vào ngày 30/4/2021 dương lịch, ông H có cho vợ chồng anh Đinh Hữu P, chị Dương Thị P1 mượn số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). khi mượn tiền anh P1 có viết cho ông H một biên nhận nợ và có chữ ký của anh P1, khi mượn tiền hai bên không có thoả thuận lãi suất, anh P1 hứa mượn khoảng một tháng sau bán cam được sẽ trả lại phần nợ gốc và cho ông H thêm ít tiền lời.

Khoảng hai đến ba ngày sau thì anh P1 lại tiếp tục đến nhà ông H hỏi mượn số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), tiếp tục khoảng hai ba ngày sau anh P1 lại đến nhà ông H mượn tiếp 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), những lần mượn tiền này anh P1 vẫn viết cho ông H biên nhận và ký tên cũng như hứa hẹn trả nợ giống như lần mượn thứ nhất. Tất cả ba lần mượn tiền thì anh P1 đều nói là mượn tiền để về mua thuốc trồng cam.

Đến hạn trả nợ thì anh P1 không trả nợ cho ông H. Đến khoảng tháng 5 – tháng 6 năm 2022 thì ông H và anh P1 chốt nợ lại là anh P1 còn nợ ông H số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), biên nhận mới do anh P1 viết và ký tên, ba biên nhận cũ thì ông H đưa lại cho anh P1 giữ, lần này hai bên thoả thuận lãi suất theo lãi suất Ngân hàng N (A), thoả thuận thời hạn đến tháng 6/2024 âm lịch anh P1 sẽ trả hết nợ. Trong biên nhận mới này ông H và anh P1 cùng thống nhất lấy ngày mượn tiền đầu tiên vào ngày 30/4/2021 là ngày ghi trong biên nhận nợ mới.

Đến tháng 06/2024 âm lịch thì anh P1 không trả tiền theo thoả thuận. Từ ngày 30/4/2021 đến nay anh P1 không đóng lãi như đã hứa và cũng không trả tiền gốc cho ông H. Ông H có nhiều lần qua nhà vợ chồng anh P1, chị P1 yêu cầu trả nợ nhưng anh P1 hứa hẹn hết lần này đến lần khác mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H. Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh P1 và chị P1 trả ông H số tiền gốc là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), lãi suất từ ngày 30/4/2021 đến ngày 30/01/2025 là $80.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 45\text{ tháng} = 59.760.000đ$ (năm mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi anh P1 phải trả cho ông H là 139.760.000đ (một trăm ba mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tại phiên hòa giải ngày 21/3/2025 và tại đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11/4/2025 ông H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Dương Thị P1, ông H yêu cầu anh P1 có trách nhiệm trả nợ cho ông H không yêu cầu vợ ông P1 cùng trả vì các lần mượn tiền chỉ một mình anh P1 đến mượn không có vợ anh P1 là bà Dương Thị P1 đi cùng. Đồng thời, ông H thay đổi ngày tính lãi suất từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/01/2025 thì ngưng không tiếp tục tính lãi nữa.

Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P1 trả cho ông H số tiền gốc là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), thay đổi yêu cầu tính lãi suất, ông H yêu cầu tính lãi suất với mức 0,83%/tháng từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/01/2025 là 80.000.000đ x 0,83%/tháng x 45 tháng = 29.880.000đ (hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng), tuy nhiên, ông H tự nguyện yêu cầu lãi suất 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Tổng cộng vốn và lãi suất anh P1 phải trả cho ông H là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2025 bị đơn anh Đinh Hữu P trình bày:

Vào khoảng tháng 7/2020, anh P có hỏi mượn ông H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng 100.000đ/ngày, 10 ngày đóng lãi một lần. Anh P đóng lãi được một tháng cho ông H thì ngưng không đóng nữa vì chưa bán được cam. Ông H kêu anh P qua làm biên nhận nợ 25.000.000đ, lúc này ông H lấy tiền mặt ra đưa anh P 2.000.000đ còn 3.000.000đ là tiền lãi đưa vào tiền gốc. 10 ngày sau anh P đóng lãi cho ông H 1.250.000đ. Do anh P không có tiền đóng lãi tiếp nên ông H kêu anh P đến ký biên nhận khác nâng số tiền gốc lên cao do lãi suất cộng vào nợ gốc như vậy cho đến 60.000.000đ. Anh P không có khả năng đóng lãi nên bị ông H và con ông H điện thoại khủng bố tinh thần làm anh P rất hoảng loạn, anh P có nhờ công an xã can thiệp. Sau đó, ngày 30/4/2021 ông H kêu anh P qua ký biên nhận nợ 80.000.000đ theo lãi suất ngân hàng. Nay, anh P đồng ý trả cho ông H số tiền gốc mượn ban đầu là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) với lãi suất ngân hàng và xin được trả dần cho ông H.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2025, anh Đinh Hữu P đồng ý trả cho ông H số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), không đồng ý trả lãi suất, yêu cầu được trả dần hàng tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đinh Hữu P tham gia phiên tòa tuy nhiên anh P vắng mặt.

Bị đơn chị Dương Thị P1 được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Phước H, buộc anh Đinh Hữu P có trách nhiệm trả cho ông H số tiền còn nợ là 100.000.000đ. Trong đó có 80.000.000đ tiền vốn và 20.000.000đ tiền lãi.

Đình chỉ phần yêu cầu của ông Nguyễn Phước H đối với bà Dương Thị P1.

Án phí: anh Đinh Hữu P phải chịu 5.000.000đ tiền án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Đinh Hữu P, chị Dương Thị P1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P1 và chị P1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngày 11/4/2025, ông Nguyễn Phước H có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Dương Thị P1, ông H chỉ yêu cầu anh Đinh Hữu P có trách nhiệm trả nợ cho ông H không yêu cầu vợ anh P là chị Dương Thị P1 liên đới trả nợ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 Bộ Luật tố tụng dân sự chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của ông H đối với chị Dương Thị P1.

[3.2] Ông Nguyễn Phước H cho rằng có cho anh Đinh Hữu P mượn tiền nhiều lần, không tính lãi suất. Ngày 30/4/2021, hai bên thống nhất chốt tổng số tiền anh P còn nợ ông H là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H có cung cấp cho Tòa án bản chính “biên nhận nợ” ngày 30/4/2021 thể hiện việc anh P có vay của ông H số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Ngoài ra, tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2025 ông H và anh P cùng thống nhất thừa nhận biên nhận nợ ghi ngày 30/4/2021, thể hiện số nợ 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) là do ông P viết và ký tên. Đây là sự kiện không phải chứng minh theo điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2025, anh P cho rằng anh chỉ nợ ông H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), việc anh P viết và ký biên nhận nợ 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) ngày 30/4/2021 là do ông H và con ông H khủng bố tinh thần nên anh P viết và ký biên nhận nợ nhưng anh P không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh là có căn cứ và ông H cũng không thừa nhận nội dung này.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận định có căn cứ xác định có sự việc anh P vay tiền của ông H số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), có thỏa thuận lãi suất. Đến thời hạn thanh toán theo thỏa thuận anh P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ông H khởi kiện yêu cầu anh P trả nợ vay với số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu tính lãi suất của ông H:

Tại phiên tòa, ông H yêu cầu tính lãi suất từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/01/2025 với lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể: $80.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 45 tháng = 29.880.000đ$ (hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng). Tuy nhiên, Ông H tự nguyện yêu cầu anh P trả lãi suất là 20.000.000đ. (hai mươi triệu đồng).

Xét thấy anh Đinh Hữu P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu tính lãi suất của ông H phù hợp khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, ông H tự nguyện yêu cầu anh P trả lãi suất 20.000.000đ trên số tiền vay gốc 80.000.000đ. Đây là sự tự nguyện của Ông H, có lợi cho anh P và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền mà anh Đinh Hữu P phải trả cho ông Nguyễn Phước H là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), trong đó số tiền vay gốc là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

[3.4] Xét yêu cầu xin trả dần của anh P

Tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2025, anh Đinh Hữu P đồng ý trả cho ông H số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), yêu cầu được trả dần hàng tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Xét thấy, anh P nợ ông H số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) nhưng anh P chỉ thừa nhận nợ 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và yêu cầu được trả dần hàng tháng. Nội dung này không được ông Hòa đồng ý và cũng không có thỏa thuận trong biên nhận nợ nên yêu cầu xin trả dần của anh P không có cơ sở chấp nhận.

[3.5] Xét việc vắng mặt của anh Đinh Hữu P trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đinh Hữu P về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước H, anh P có cung cấp bản khai ý kiến cho Tòa án, có tham gia hòa giải ngày 21/3/2025. Tòa án triệu tập hợp lệ anh P tham gia các phiên hòa giải tiếp theo và phiên tòa xét xử để tạo điều kiện cho các bên đương sự thỏa thuận các vấn đề trong vụ án. Tuy nhiên, anh Đinh Hữu P đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, anh P phải chịu hậu quả pháp lý về việc không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong vụ án.

[4] Về án phí: áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Đinh Hữu P phải chịu 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước H (T).

Buộc anh Đinh Hữu P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Phước H (Tư Đen) số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), trong đó số tiền vay gốc là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Phước H đối với yêu cầu khởi kiện chị Dương Thị P1 cùng trả nợ vay với anh Đinh Hữu P.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Đinh Hữu P phải chịu 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND huyện Tam Bình: 02b;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01b;
- Đương sự: 03b;
- Lưu: 04b.

Ngô Thị Ngọc Trinh

